

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4221/QĐ-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Chiến lược dữ liệu
của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giai đoạn 2025 – 2030

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chiến lược dữ liệu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giai đoạn 2025-2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Công an;
- Các Thủ trưởng;
- Lưu: VT, CĐSVHTTDL, NN.80.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Phan Tâm

CHIẾN LƯỢC DỮ LIỆU
CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH GIAI ĐOẠN 2025-2030
(Kèm theo Quyết định số 422/QĐ-BVHTTDL ngày 05 tháng 11 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC

Việc xây dựng Chiến lược dữ liệu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTTDL) giai đoạn 2025-2030 dựa trên các căn cứ chính trị, pháp lý và chỉ đạo chuyên ngành sau:

1. Căn cứ chính trị:

Căn cứ Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

2. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử năm 2023 (số 20/2023/QH15) tạo nền tảng pháp lý cho môi trường số và giao dịch điện tử;

Căn cứ Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 04 năm 2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân;

Căn cứ Luật Dữ liệu năm 2024 (Luật số 60/2024/QH15) về quản lý, khai thác và bảo vệ dữ liệu số;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

Căn cứ Nghị định số 194/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

3. Căn cứ chỉ đạo chuyên ngành:

Căn cứ Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1751/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

II. QUAN ĐIỂM

1. Dữ liệu là tài sản chiến lược của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Dữ liệu được xác định là nguồn tài nguyên mới, yếu tố then chốt thúc đẩy chuyển đổi số toàn tạo ra giá trị mới, góp phần phát triển các ngành, lĩnh vực mà Bộ VHTTDL quản lý, đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế – xã hội của đất nước.

2. Lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm trong mọi hoạt động phát triển dữ liệu phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân, du khách và doanh nghiệp.

3. Phát triển thị trường dữ liệu văn hóa – du lịch trở thành động lực đột phá thúc đẩy chuyển đổi số và mô hình kinh doanh mới.

4. Phát triển hạ tầng dữ liệu hiện đại, đồng bộ và đảm bảo an toàn, an ninh mạng là yêu cầu tiên quyết.

5. Nâng tầm năng lực nhân lực dữ liệu xây dựng và kiến tạo văn hóa ra quyết định dựa trên dữ liệu.

6. Phát triển dữ liệu Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, dẫn dắt, gắn liền với đổi mới, tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động.

7. Đảm bảo tính bền vững, đạo đức dữ liệu và tôn trọng, kiên quyết bảo vệ chủ quyền văn hóa số.

III. TẦM NHÌN

- Đến năm 2030, dữ liệu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trở thành một bộ phận cấu thành quan trọng, tích hợp liền mạch và an toàn vào không gian dữ liệu quốc gia. Dữ liệu không chỉ là nền tảng cho quản trị ngành thông minh mà còn là tài sản quốc gia, được khai thác hiệu quả để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ có giá trị gia tăng cao, góp phần đưa các ngành, lĩnh vực mà Bộ VHTTDL quản lý phát triển, đóng góp trực tiếp vào việc nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam trên trường quốc tế.

- Dữ liệu ngành trở thành nền tảng quan trọng để cải cách thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu, đồng thời mở rộng khai thác dữ liệu phục vụ phát triển các ngành, lĩnh vực mà Bộ quản lý.

- Người dân, doanh nghiệp và du khách được thụ hưởng dịch vụ công minh bạch, tiện lợi, cá nhân hóa dựa trên dữ liệu, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và hình ảnh quốc gia.

- Đến năm 2045: Dữ liệu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được quản trị như tài sản số quốc gia, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững, góp phần quan trọng đưa Việt Nam trở thành quốc gia có nền văn hóa số giàu bản sắc, du lịch thông minh tầm cỡ thế giới, thể thao chuyên nghiệp, cũng như thông tin báo chí hiện đại, bắt kịp xu hướng trên thế giới.

- Tăng cường hợp tác, chia sẻ dữ liệu và chuẩn hóa theo thông lệ, tiêu chuẩn quốc tế; chủ động tham gia các sáng kiến toàn cầu nhằm nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trong các lĩnh vực của Bộ quản lý.

- Ngành văn hóa số Việt Nam phát triển thịnh vượng, góp phần đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao, có vị thế và uy tín trong hợp tác quốc tế.

IV. NGUYÊN TẮC

- Tuân quan thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về dữ liệu và các quy định có liên

- Dữ liệu hình thành trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là tài sản chung của Nhà nước, không thuộc sở hữu riêng của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào và phải được quản lý, sử dụng, khai thác, chia sẻ theo các quy định hiện hành.

- Ưu tiên thu thập, kết nối, chia sẻ và khai thác để phục vụ cải cách thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công và công tác chỉ đạo điều hành; đồng thời từng bước tích hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia.

- Đảm bảo dữ liệu được cập nhật, chia sẻ dữ liệu tuân thủ quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật; dữ liệu phải chính xác, thống nhất, không trùng lặp, có tính kế thừa; đồng thời duy trì tính toàn vẹn, tin cậy.

- Bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống dữ liệu, tuân thủ đầy đủ quy định hiện hành về bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền của chủ sở hữu dữ liệu.

V. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

1. Mục tiêu tổng quát

- Xây dựng và phát triển hệ thống dữ liệu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đồng bộ, hiện đại, gắn kết chặt chẽ với Chiến lược dữ liệu quốc gia và Chính phủ số; coi dữ liệu là nguồn lực chiến lược phục vụ quản lý nhà nước hiệu quả, bảo vệ và phát huy giá trị của tài nguyên dữ liệu văn hóa quốc gia, nâng cao chất lượng dịch vụ công, đồng thời tạo động lực phát triển các ngành, lĩnh vực mà Bộ VH-TT-DL quản lý.

- Xác định dữ liệu là tài sản chiến lược và nguồn lực quan trọng phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành ngành; bảo đảm dữ liệu trở thành nền tảng cho việc hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị nhà nước trong các lĩnh vực mà Bộ VH-TT-DL quản lý.

- Đưa người dân, doanh nghiệp và du khách trở thành trung tâm của hệ sinh thái dữ liệu ngành, bảo đảm mọi hoạt động thu thập, quản trị, chia sẻ và khai thác dữ liệu đều hướng đến phục vụ tốt nhất nhu cầu thụ hưởng dịch vụ công, sáng tạo văn hóa, phát triển du lịch và thể thao hiện đại, thông tin minh bạch trong thời kỳ xã hội số phát triển mạnh mẽ như hiện nay.

- Đáp ứng yêu cầu và chỉ tiêu của Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số; triển khai có hiệu quả Đề án 06 về phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử, bảo đảm Bộ VH-TT-DL là một trong những đơn vị tiên phong về chuyển đổi số quốc gia.

- Thúc đẩy hình thành và phát triển thị trường dữ liệu, tạo ra các sản phẩm,

dịch vụ dữ liệu có giá trị gia tăng cao, góp phần phát triển các lĩnh vực mà Bộ VH TTDL quản lý và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

- Đảm bảo an toàn, an ninh dữ liệu và quyền riêng tư của cá nhân, tổ chức trong mọi hoạt động quản trị và khai thác dữ liệu; đồng thời nâng cao năng lực nhân lực dữ liệu của ngành, hình thành đội ngũ cán bộ, chuyên gia dữ liệu chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển lâu dài.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Phát triển dữ liệu phục vụ Chính phủ số

- Ban hành và áp dụng Khung quản trị, Khung quản lý dữ liệu ngành VH TTDL, bao gồm các tiêu chuẩn kỹ thuật, siêu dữ liệu, từ điển dữ liệu dùng chung cho 100% CSDL chuyên ngành, hoàn thành trong năm 2025.

- Hoàn thiện 100% hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) chuyên ngành (di sản văn hóa, bảo tàng, thư viện, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, thể dục thể thao, du lịch, bản quyền tác giả, báo chí, xuất bản, thông tin điện tử ...), đảm bảo số hóa toàn diện, chuẩn hóa và quản lý tập trung, sẵn sàng liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Từng bước tiến tới 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện của Bộ được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tích hợp tập trung trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, hoàn thành trước 31/12/2026.

- Từng bước tiến tới 100% hồ sơ công việc tại Bộ được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ mật theo quy định). Tỷ lệ văn bản điện tử ký số đạt trên 95%.

- Hình thành kho dữ liệu lớn (Big Data) của Bộ VH TTDL, phục vụ công tác tổng hợp, phân tích, dự báo và hoạch định chính sách.

- Tích hợp dữ liệu vào Trung tâm điều hành của Bộ phục vụ chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu thời gian thực.

- Tích hợp dữ liệu của Bộ VH TTDL với nền tảng Chính phủ số và các hệ thống liên ngành, đảm bảo dữ liệu phục vụ trực tiếp cho công tác điều hành của Chính phủ, đồng thời cung cấp cho các bộ, ngành, địa phương theo nguyên tắc “thu thập một lần, dùng nhiều lần”.

b) Mục tiêu về chia sẻ và điều phối dữ liệu

- Thiết lập cơ chế chia sẻ dữ liệu thống nhất và bắt buộc trong toàn ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch, đảm bảo dữ liệu được khai thác hiệu quả, tuân thủ các quy định về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước, và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về dữ liệu mở, dữ liệu lớn.

- Hoàn thiện xây dựng và kết nối 100% cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ (di sản văn hóa, bảo tàng, thư viện, du lịch, thể thao, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, bản quyền tác giả...) với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) và các cơ sở dữ liệu quốc gia có liên quan (dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tài chính...).

- Việc kết nối tuân thủ chuẩn quốc gia về kết nối, chia sẻ dữ liệu, đồng thời áp dụng tiêu chuẩn quốc tế và an toàn thông tin để bảo đảm liên thông, bảo mật và hiệu quả.

- Đối với siêu dữ liệu (metadata) và mô tả dữ liệu chuyên ngành (như hiện vật bảo tàng, hồ sơ di sản văn hóa, tài nguyên du lịch, bản quyền,...), áp dụng các chuẩn mực quốc tế như Dublin Core, MARC21, ISO 11179... và các quy định của Bộ, nhằm thống nhất và phục vụ hiệu quả cho quản trị dữ liệu đặc thù ngành.

- 100% dữ liệu mở của Bộ VH TTDL được công bố, cập nhật theo đúng kế hoạch tại Quyết định hiện hành, phục vụ công tác quản lý, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.

- Bảo đảm minh bạch, công bằng và an toàn trong điều phối dữ liệu, gắn trách nhiệm giải trình của đơn vị cung cấp và đơn vị khai thác dữ liệu. Thiết lập cơ chế giám sát, kiểm toán định kỳ việc kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu trong ngành; áp dụng các khung đánh giá tương thích với tiêu chuẩn quốc tế (như Open Data Charter, Data Governance Framework của OECD).

c) Mục tiêu về phát triển dữ liệu phục vụ kinh tế số, xã hội số

- Mục tiêu phát triển dữ liệu mở

- + Triển khai đầy đủ danh mục dữ liệu mở thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ VH TTDL; bảo đảm công khai, minh bạch, dễ tiếp cận, trong đó ưu tiên công bố Danh mục dữ liệu mở định kỳ.

- + Thúc đẩy cộng đồng khai thác dữ liệu mở phục vụ nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp văn hóa – du lịch.

- + Thu thập dữ liệu cộng đồng, từng bước làm giàu kho dữ liệu mở của Bộ VH TTDL, phục vụ cải cách hành chính, quản lý điều hành và lợi ích chung của cộng đồng.

- Mục tiêu phát triển dịch vụ dữ liệu

- + Phân đấu hình thành các sản phẩm/dịch vụ dữ liệu có giá trị gia tăng cao, như: bản đồ số di sản văn hóa, dữ liệu huấn luyện thể thao, phân tích xu hướng du lịch, dữ liệu thị hiếu văn hóa.

- + Ban hành cơ chế định giá, cấp phép và khai thác dữ liệu minh bạch. Tổ chức thí điểm sàn giao dịch dữ liệu hoặc dịch vụ môi giới dữ liệu trong ngành.

- + Khuyến khích doanh nghiệp, viện nghiên cứu, tổ chức xã hội khai thác dữ liệu để tạo ra ứng dụng và dịch vụ mới.

- + Từng bước rà soát, sửa đổi chính sách, quy định trong lĩnh vực VH TTDL để gắn trách nhiệm tạo lập dữ liệu với từng chủ thể.

- + Khuyến khích hợp tác công – tư (PPP) trong số hóa di sản văn hóa và phát triển dữ liệu du lịch, bảo đảm hài hòa lợi ích Nhà nước, doanh nghiệp và xã hội.

- + Khuyến khích người dân tham gia đóng góp, phản hồi và sáng tạo nội dung dựa trên dữ liệu.

d) Mục tiêu về phát triển nền tảng dữ liệu

- Xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu ngành (LGSP)

- + Hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ VH TTDL, bảo đảm kết nối đồng bộ với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).

+ Kết nối 100% cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ với nền tảng LGSP, cho phép chia sẻ dữ liệu theo thời gian thực hoặc gần thời gian thực.

+ Tuân thủ các quy định và các chuẩn kỹ thuật quốc gia, đồng thời tiệm cận chuẩn quốc tế về API mở và bảo mật.

- Phát triển nền tảng phân tích, khai thác dữ liệu

+ Xây dựng hệ thống phân tích dữ liệu tập trung, phục vụ báo cáo, phân tích xu hướng, dự báo và cảnh báo sớm.

+ Tích hợp dữ liệu từ các lĩnh vực trọng điểm (du lịch, di sản văn hóa, thể thao, thư viện, bảo tàng, xuất bản, thông tin) để phục vụ hoạch định chính sách và phát triển dịch vụ mới.

- Vận hành Cổng dữ liệu mở và dịch vụ dữ liệu số

+ Vận hành Cổng dữ liệu mở ngành VHTTDL, bảo đảm công bố dữ liệu đúng danh mục, cập nhật thường xuyên, dễ khai thác.

+ Phát triển dịch vụ dữ liệu số qua API, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, viện nghiên cứu và cộng đồng.

- Bảo đảm tính mở rộng, an toàn và thông minh của nền tảng

+ Thiết kế nền tảng dữ liệu với khả năng mở rộng linh hoạt, đáp ứng nhu cầu gia tăng dữ liệu và dịch vụ.

+ Triển khai hệ thống bảo mật theo các quy định có liên quan về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

+ Tuân thủ Tiêu chuẩn quốc gia an toàn thông tin mạng trong cơ quan nhà nước, về quản lý an toàn thông tin và về an toàn dịch vụ đám mây, các hướng dẫn theo quy định và của Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ Thiết lập quy chế bảo mật dữ liệu nội bộ, quy tắc ứng xử với dữ liệu; đảm bảo quyền riêng tư, minh bạch, và đồng thuận trong khai thác dữ liệu.

e) Mục tiêu về xây dựng hạ tầng dữ liệu

- 100% hệ thống thông tin của Bộ được triển khai trên hạ tầng điện toán đám mây của Chính phủ hoặc các nhà cung cấp trong nước đạt chuẩn, đảm bảo an toàn thông tin.

- Từng bước xây dựng, nâng cấp và hoàn thiện hạ tầng dữ liệu của Bộ VHTTDL, bảo đảm hiện đại, đồng bộ, an toàn, đáp ứng yêu cầu khai thác, quản lý và phát triển dữ liệu của Bộ VHTTDL.

- Giai đoạn ngắn và trung hạn (đến năm 2028):

+ Hoàn thiện hạ tầng đáp ứng các điều kiện kỹ thuật: nguồn điện, điều hòa, PCCC, kết nối mạng.

+ Đảm bảo tiêu chí an toàn thông tin tối thiểu cấp độ 3 trở lên; Kết hợp thuê hạ tầng điện toán đám mây và dịch vụ an toàn thông tin cấp độ 3 từ các nhà cung cấp uy tín như MobiFone, VNPT, FPT, Viettel, CMC... Triển khai hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng (SOC) của ngành, kết nối với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.

+ Thành lập Đội ứng cứu sự cố (CSIRT) của ngành; tổ chức diễn tập định kỳ, tăng cường phối hợp liên ngành với Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ trong phát hiện, cảnh báo và ứng phó sự cố.

- Giai đoạn dài hạn:

+ Xây dựng kế hoạch hình thành Trung tâm dữ liệu của Bộ theo mô hình lai ghép (hybrid), kết hợp hạ tầng điện toán đám mây và hạ tầng tại chỗ. Bảo đảm trung tâm dữ liệu đạt tiêu chuẩn về trung tâm dữ liệu, và hướng dẫn kỹ thuật theo quy định của pháp luật và Bộ Khoa học và Công nghệ về mô hình trung tâm dữ liệu quốc gia.

+ Thành lập bộ phận chuyên trách, chuyên nghiệp để vận hành Trung tâm dữ liệu, bảo đảm hoạt động ổn định, liên tục, an toàn và hiệu quả. Định kỳ đánh giá, kiểm toán an toàn hệ thống hạ tầng dữ liệu, đảm bảo hạ tầng dữ liệu vận hành an toàn, tin cậy.

f) Mục tiêu về phát triển nhân lực

- Hình thành đội ngũ chuyên trách về dữ liệu trong toàn ngành: Thành lập Tổ công tác quản trị dữ liệu để điều phối chiến lược.

- Từng bước nâng cao năng lực cán bộ quản lý và kỹ thuật: Đào tạo, bồi dưỡng định kỳ cho cán bộ quản lý về quản trị dữ liệu, phân tích dữ liệu, an toàn thông tin; Đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ kỹ thuật về dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI), GIS, blockchain, phục vụ số hóa và khai thác dữ liệu ngành. Xây dựng lộ trình đào tạo chuyên gia dữ liệu văn hóa, đặc biệt trong hệ thống các viện nghiên cứu, bảo tàng, thư viện và các đơn vị sự nghiệp văn hóa.

- Tăng cường cơ chế thu hút, phát triển nhân tài dữ liệu trong ngành: Ban hành cơ chế đãi ngộ để thu hút nhân lực chất lượng cao về dữ liệu làm việc tại các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ VHTTDL; Khuyến khích hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ để cung cấp nguồn nhân lực dữ liệu chuyên môn sâu; Tạo điều kiện để chuyên gia, cán bộ dữ liệu của Bộ tham gia các khóa đào tạo quốc tế, tiếp cận chuẩn mực và công nghệ tiên tiến.

- Tăng cường hợp tác, liên kết với các tập đoàn công nghệ lớn và doanh nghiệp nhà nước, bảo đảm đồng hành trong vận hành, giám sát, hỗ trợ kỹ thuật, duy trì hoạt động an toàn, ổn định và bền vững, cũng như hình thành mạng lưới chuyên gia dữ liệu, xây dựng hệ sinh thái nhân lực dữ liệu ngành VHTTDL.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức của Bộ được đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng số cơ bản. Hướng tới mục tiêu các đơn vị có số lượng phù hợp các cán bộ chuyên trách được đào tạo chuyên sâu về khoa học dữ liệu, phân tích dữ liệu và an toàn thông tin.

g) Mục tiêu về huy động nguồn lực tài chính phát triển dữ liệu

- Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn ngân sách, bao gồm chi thường xuyên, vốn đầu tư phát triển và các nguồn lực được phân bổ theo Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 214/NQ-CP của Chính phủ.

- Nghiên cứu, triển khai các mô hình hợp tác công – tư (PPP), khuyến khích doanh nghiệp đầu tư hạ tầng, nền tảng dữ liệu và cùng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cung cấp dịch vụ cho người dân, tổ chức.

- Xây dựng, ban hành cơ chế giá, phí, lệ phí dịch vụ dữ liệu phù hợp, minh bạch; cho phép các đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ dữ liệu để tạo nguồn thu tái đầu tư.

VI. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ và hoàn thiện thể chế về dữ liệu

(1) Xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về dữ liệu (quy chế quản lý, chia sẻ dữ liệu; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu; chính sách khuyến khích khai thác dữ liệu,...)

Ban hành đầy đủ các văn bản có liên quan đến dữ liệu trong phạm vi Bộ VHTTDL; các quy định nội bộ về quản lý, khai thác thống nhất trên phạm vi toàn ngành.

(2) Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích chia sẻ dữ liệu và bảo vệ dữ liệu trong nội bộ ngành và với các đối tác bên ngoài.

Ban hành quy định về chia sẻ dữ liệu giữa các đơn vị thuộc Bộ và giữa Bộ với địa phương, doanh nghiệp; quy định về quyền và trách nhiệm khi khai thác dữ liệu công. Đồng thời ban hành chính sách đảm bảo quyền riêng tư, an ninh dữ liệu theo pháp luật.

(3) Hoàn thiện các quy định về tiêu chuẩn dữ liệu và tích hợp hệ thống trong ngành.

Ban hành bộ tiêu chuẩn, định dạng dữ liệu chung để các đơn vị thống nhất áp dụng; có quy chế bắt buộc về kết nối, liên thông dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của Bộ và với nền tảng tích hợp dữ liệu quốc gia.

2. Nhiệm vụ và giải pháp về phát triển hạ tầng dữ liệu và công nghệ

(1) Xây dựng kho dữ liệu tập trung của Bộ VHTTDL và các hệ thống quản trị dữ liệu dùng chung

Từng bước hoàn thiện kho dữ liệu tập trung (Data Warehouse/Lake) tích hợp dữ liệu từ các CSDL hiện có (di sản, du lịch, thể thao, thư viện...); triển khai nền tảng quản trị dữ liệu cho phép các đơn vị dễ dàng khai thác, phân tích dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành.

(2) Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đảm bảo an toàn, an ninh dữ liệu

Xây dựng kế hoạch, đánh giá, triển khai phương án bảo mật theo mô hình 4 lớp (theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Công an); 100% hệ thống dữ liệu xác định cấp độ an toàn theo quy định hiện hành. Thiết lập trung tâm giám sát an toàn dữ liệu, có công cụ cảnh báo sớm và cơ chế sao lưu, phục hồi dữ liệu kịp thời khi có sự cố.

(3) Triển khai các nền tảng phân tích dữ liệu và AI phục vụ chuyên môn

Từng bước xây dựng các hệ thống phân tích dữ liệu cung cấp báo cáo, chỉ số trực quan hỗ trợ Lãnh đạo ra quyết định nhanh; thí điểm ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong phân tích dữ liệu lớn (ví dụ: phân tích xu hướng du lịch, nhu cầu văn hóa của người dân) để đưa ra dự báo phục vụ công tác quản lý.

3. Nhiệm vụ và giải pháp về nâng cao năng lực và nhân lực dữ liệu

(1) Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực chuyên trách về dữ liệu

Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng, phân đấu mỗi đơn vị thuộc Bộ có tối thiểu 01 cán bộ chuyên trách về quản trị dữ liệu; đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin hiện có được đào tạo chuyên sâu về phân tích dữ liệu, an toàn thông tin. Tổ chức các khóa tập huấn định kỳ về kỹ năng số và khai thác dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức trong ngành.

(2) Nâng cao nhận thức và văn hóa dữ liệu trong toàn ngành

Tổ chức các chương trình, kế hoạch nhằm nâng cao, tiến tới mục tiêu toàn thể công chức, viên chức ngành VHTTDL hiểu rõ tầm quan trọng của dữ liệu, coi dữ liệu là nền tảng trong mọi hoạt động. Phát động các chương trình truyền thông nội bộ, hội thảo, cuộc thi về sáng kiến dữ liệu để thúc đẩy văn hóa ra quyết định dựa trên dữ liệu và khuyến khích chia sẻ dữ liệu giữa các đơn vị.

(3) Kien toan to chuc bo may va phan cong trach nhem ve chuyen doi so, du lieu

Từng bước hoàn thiện mô hình Trung tâm Chuyển đổi số của Bộ với đầy đủ chức năng, nhiệm vụ về quản lý dữ liệu; tại mỗi đơn vị cấp Cục, Vụ có cán bộ phụ trách dữ liệu. Ban hành quy định về trách nhiệm của các đơn vị trong việc cập nhật, chia sẻ dữ liệu; đưa tiêu chí về quản lý, khai thác dữ liệu vào đánh giá thi đua hàng năm của đơn vị.

4. Nhiệm vụ và giải pháp về thúc đẩy chia sẻ dữ liệu và phát triển dữ liệu mở

(1) Thiết lập kết nối, liên thông dữ liệu giữa ngành VHTTDL với các bộ, ngành và địa phương

Từng bước tích hợp toàn bộ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ VHTTDL với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), bảo đảm dữ liệu của Bộ (văn hóa, du lịch, thể thao, gia đình...) có thể tự động chia sẻ cho các cơ quan chính phủ khác và ngược lại. Xây dựng API dịch vụ dữ liệu để địa phương và doanh nghiệp có thể khai thác dữ liệu ngành một cách thuận tiện, an toàn.

(2) Phát triển cổng dữ liệu mở của Bộ VHTTDL

Chuẩn hóa và cung cấp dữ liệu, hình thành và công bố danh mục dữ liệu mở của Bộ và định kỳ cập nhật trên Cổng dữ liệu mở của Bộ cũng như Cổng dữ liệu quốc gia. Phân đấu đến 2030, 100% dữ liệu không mật, không thuộc phạm vi nhạy cảm của ngành được mở công khai cho xã hội (theo nguyên tắc “mặc định mở” trừ dữ liệu cấm công khai). Người dân, doanh nghiệp có thể truy cập, tải xuống và sử dụng dữ liệu mở về văn hóa, thể thao, du lịch dễ dàng, miễn phí.

(3) Thúc đẩy thị trường dữ liệu và hợp tác công tư về dữ liệu.

Từng bước xây dựng cơ chế để các doanh nghiệp công nghệ số tham gia khai thác, kinh doanh dữ liệu một cách hợp pháp, tạo giá trị gia tăng từ dữ liệu của Bộ VHTTDL. Thí điểm hình thành sàn giao dịch dữ liệu hoặc diễn đàn kết nối giữa bên cung và cầu dữ liệu trong lĩnh vực văn hóa, du lịch (theo định hướng Luật Dữ liệu 2024 về phát triển thị trường dữ liệu). Kết quả kỳ vọng là xuất hiện các dịch vụ, ứng dụng mới sử dụng dữ liệu mở của ngành (ví dụ ứng dụng du lịch thông minh, nền tảng quảng bá di sản số...), qua đó thúc đẩy kinh tế số của ngành.

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện được bảo đảm từ các nguồn sau:

1. Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, vốn lồng ghép và các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có).
2. Huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung tâm Chuyển đổi số Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, hướng dẫn kỹ thuật chung, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức xây dựng kế hoạch chi tiết hàng năm, triển khai, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chiến lược.

b) Phối hợp với các đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ đề ra; đồng thời tổng hợp, theo dõi tiến độ và kết quả thực hiện Chiến lược trên phạm vi toàn ngành.

c) Theo dõi, giám sát và định kỳ báo cáo Lãnh đạo Bộ về tình hình triển khai, kịp thời tham mưu giải quyết các khó khăn, vướng mắc.

d) Tham mưu, giúp việc lãnh đạo Bộ đôn đốc, kiểm tra các đơn vị trong việc thực thi các nhiệm vụ liên quan đến dữ liệu và chuyển đổi số.

2. Vụ kế hoạch, Tài chính

Chủ trì tham mưu việc phân bổ nguồn lực tài chính để triển khai các nhiệm vụ dữ liệu theo lộ trình của Chiến lược. Phối hợp với Văn phòng Bộ và các đơn vị liên quan trong huy động nguồn vốn xã hội hóa, PPP, ODA, tài trợ quốc tế phục vụ các dự án dữ liệu trọng điểm.

3. Vụ Khoa học công nghệ, Đào tạo và môi trường

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai nhiệm vụ tổng hợp, phân bổ kinh phí liên quan đến nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, gắn với các định hướng dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo.

4. Vụ Pháp chế

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, hoàn thiện hành lang pháp lý, các quy định, quy chế về quản lý dữ liệu ngành. Tham mưu xây dựng các cơ chế thương mại hóa dữ liệu, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và bản quyền trong lĩnh vực

vực văn hóa, thể thao, du lịch.

5. Các đơn vị thuộc Bộ

a) Trong phạm vi chức năng (về văn hóa, thể thao, du lịch, gia đình...), xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai các nhiệm vụ về dữ liệu thuộc lĩnh vực phụ trách. Chủ động phối hợp với Trung tâm Chuyển đổi số để cập nhật, kết nối dữ liệu; đồng thời đảm bảo việc khai thác dữ liệu phục vụ hiệu quả công tác quản lý chuyên ngành.

b) Căn cứ Chiến lược này, phối hợp các đơn vị liên quan, lập kế hoạch hành động cho lĩnh vực mình quản lý. Phân công rõ đơn vị/cá nhân phụ trách dữ liệu; phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Chuyển đổi số để thực hiện các nhiệm vụ liên thông dữ liệu, cung cấp dữ liệu mở thuộc lĩnh vực quản lý.

6. Các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các Sở Văn hóa và Thể thao và các Sở Du lịch

a) Phối hợp với các đơn vị của Bộ trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chiến lược dữ liệu, từ cấp Trung ương đến các địa phương.

b) Triển khai sử dụng, chia sẻ và khai thác dữ liệu từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và nền tảng số dùng chung, do Bộ cung cấp và triển khai trên toàn quốc.

c) Thực hiện các nhiệm vụ kết nối dữ liệu từ địa phương với trung ương theo hướng dẫn của Bộ. Đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy định về dữ liệu do Bộ ban hành; tham gia đóng góp dữ liệu ngành từ địa phương vào kho dữ liệu tập trung; đồng thời hưởng ứng triển khai các dịch vụ dữ liệu phục vụ người dân và doanh nghiệp tại địa phương.